

Lesson

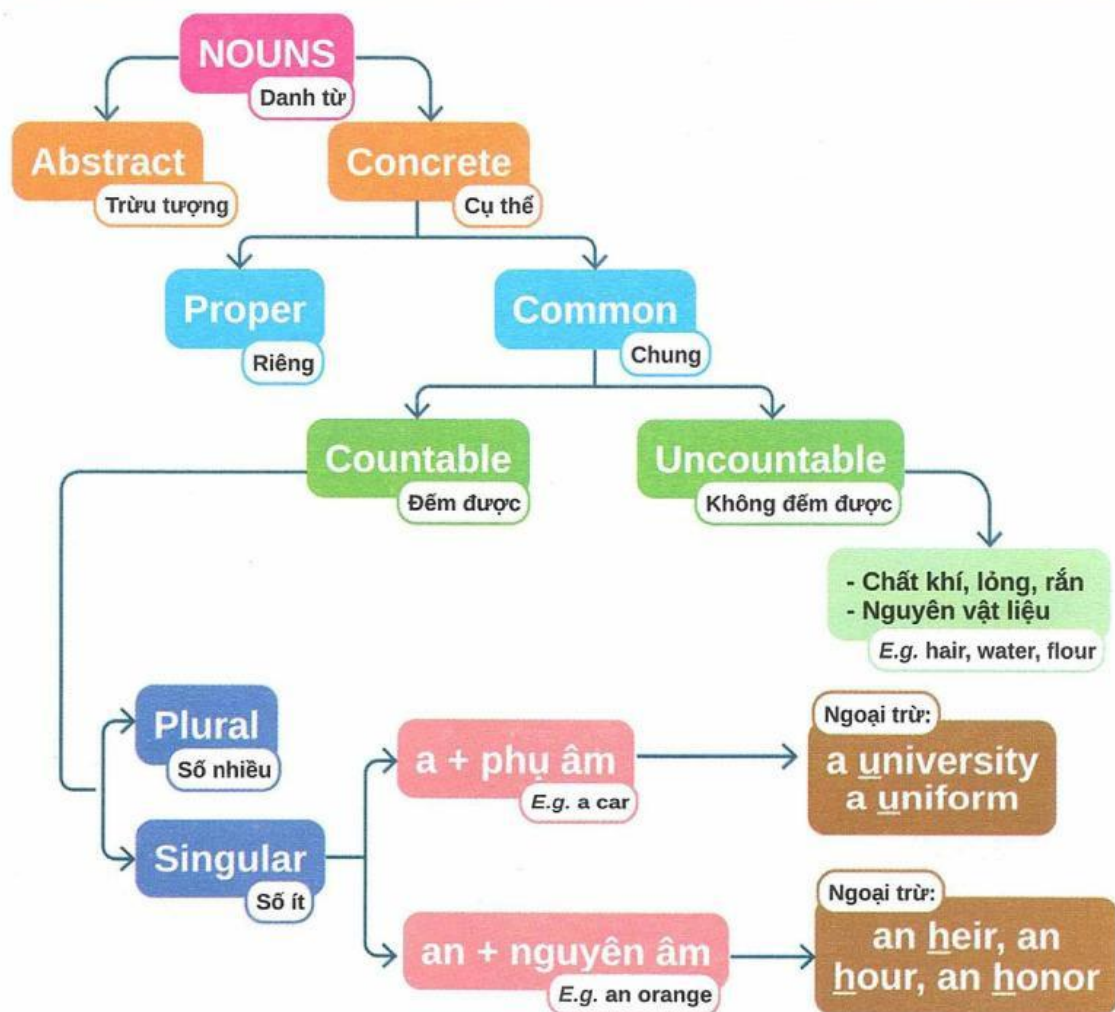
Countable and Uncountable Nouns and Partitives

02



Let's Learn!

💡 Nouns (Danh từ)



Nouns (danh từ) là các từ dùng để gọi tên sự vật, sự việc (places: địa điểm, people: con người, things: đồ vật; animals: động vật...)



Countable nouns

(Danh từ đếm được)

Definition

(Định nghĩa)

Là những danh từ có thể đếm được bằng số (1, 2, 3...).

Features

(Đặc điểm)

★ Danh từ số ít

(có số lượng là 1)

a + phụ âm

E.g. a car

an + nguyên âm (a, e, i, o, u)

E.g. an umbrella

★ Ngoại lệ:

a + uniform (đồng phục) (u có phiên âm là /ju:/)

an + hour (giờ) / honor (vinh hạnh) / heir (người thừa kế) (h là âm câm)

Uncountable nouns

(Danh từ không đếm được)

Là những danh từ không thể đếm được bằng số.

★ Danh từ không đếm được không có dạng số nhiều và số ít (không kết hợp với **a/ an** và không có đuôi s/es).

★ Một số danh từ không đếm được:

- Chất lỏng: *water, juice, ...*
- Chất khí: *air, gas, ...*
- Chất bột: *sugar, salt, ...*
- Chất sệt: *butter, yogurt, ...*
- Chất rắn: *gold, metal, ...*
- Trừu tượng: *homework, information, ...*

Formation of Plural nouns



(Cách thành lập danh từ số nhiều)

Quy tắc	Danh từ kết thúc tận cùng	Thêm	Ví dụ
1	e / ee	+ s	a <u>t</u> ree ⇒ trees
2	nguyên âm + y	+ s	a <u>t</u> oy ⇒ toys



Quy tắc	Danh từ kết thúc tận cùng	Thêm	Ví dụ
3	phụ âm + y	y ⇒ ies	a <u>fly</u> ⇒ flies
4	f / fe	f / fe ⇒ ves	a <u>leaf</u> ⇒ leaves <i>Ngoại trừ:</i> roof <u>s</u> , cliff <u>s</u> , chief <u>s</u> ...
5	-o, -z, -s, -ss, -ch, -x, -sh	+ es	a <u>bus</u> ⇒ buses <i>Ngoại trừ:</i> radio <u>s</u> , photo <u>s</u> , piano <u>s</u> ...
6	trường hợp còn lại	+ s	a <u>car</u> ⇒ cars
7	Bất quy tắc		have ⇒ has

Some irregular nouns



(Một số danh từ số nhiều bất quy tắc)

NHÓM	DANH TỪ BẤT QUY TẮC	
A ⇒ B	a person	→ people (người)
	a mouse	→ mice (con chuột)
	an ox	→ oxen (con bò)
	a child	→ children (trẻ em)
A = A	a sheep	→ sheep (con cừu)
	a fish	→ fish (con cá)
	a deer	→ deer (con nai)
	a salmon	→ salmon (cá hồi)
a ⇒ e	ma <u>n</u>	→ me <u>n</u> (đàn ông)
	woma <u>n</u>	→ woma <u>n</u> (phụ nữ)
oo ⇒ ee	fo <u>o</u> t	→ fe <u>e</u> t (bàn chân)
	to <u>o</u> th	→ te <u>e</u> th (răng)
	go <u>o</u> se	→ ge <u>e</u> se (con ngỗng)



Partitives (Từ định lượng)

Các danh từ đếm được số nhiều hoặc không đếm được có thể kết hợp với các cụm từ định lượng.

1. a bag of	một túi
2. a bar of	một thanh
3. a bottle of	một chai
4. a bowl of	một chén/ bát
5. a can of	một lon
6. a carton of	một hộp giấy
7. a cup of	một tách
8. a glass of	một ly/ cốc
9. a jar of	một lọ
10. a loaf of	một ổ
11. a packet of	một gói
12. a piece of	một miếng
13. a litre of	một lít
14. a tube of	một tuýp
15. a dozen	một tá (12 đơn vị)
16. a slice of	một lát cắt
17. a kilo of	một cân
18. a box of	một hộp / thùng
19. a tin of	một hộp (thiếc)
20. a spoon of	một thìa

Exercise 10: Complete the sentences with the plural form of the nouns in brackets. (Hoàn thành câu với dạng số nhiều của danh từ trong ngoặc.)



- 1 Only ten are allowed in this lift. (person)
- 2 Can you cut the melon into two ? (half)
- 3 In the past, were used to help plough the fields. (ox)
- 4 There were a lot of dead in our garden. (leaf)
- 5 The deer was attacked by a pack of (wolf)
- 6 Don't forget to brush your (tooth)
- 7 Many love to go to the zoo. (child)
- 8 Look! Those are very colourful. (fish)
- 9 The police caught three of the yesterday. (thief)
- 10 I saw a flock of swimming. (goose)

Exercise 11: Circle the correct plural form of each noun. (Khoanh vào dạng số nhiều của các danh từ sau.)



- 1 There are two of lemonade in the fridge.
(A) bottle (B) bottles



2 The film is about two _____.

(A) robots

(B) robotes

3 Those _____ are crawling.

(A) babies

(B) babys

4 I can see three big _____ on the table.

(A) boxs

(B) boxes

5 There are some _____ in the vase.

(A) flowers

(B) floweries

6 I hurried to school, so I forgot my _____ at home.

(A) keys

(B) keies

7 I put the _____ on a plate.

(A) orangies

(B) oranges

8 My favorite _____ are English and Literature.

(A) subjects

(B) subject

9 How many _____ are there in a week?

(A) days

(B) daies

10 I love _____ very much.

(A) puppys

(B) puppies

Exercise 12: Choose the correct food partitives.



(Chọn từ định lượng đúng.)

1 A (slice / head) of pizza

2 A (plate / cup) of coffee

3 A (piece / can) of cake

4 A (slice / carton) of milk

5 A (bar / tube) of chocolate

6 A (piece / bunch) of flowers

7 A (jar / box) of honey

8 A (glass / bunch) of lemonade

9 A (kilo / bowl) of soup

10 A (bag / loaf) of crisps

Exercise 13: Choose the correct nouns.



(Chọn danh từ phù hợp.)

1 a tube of _____

(A) toothpaste

(B) juice



2 a bar of _____

(A) soap

(B) bread

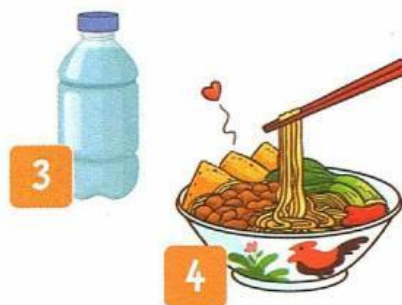




3 a bottle of _____

(A) water

(B) butter



4 a bowl of _____

(A) burgers

(B) noodles

5 a can of _____

(A) coke

(B) cherries



6 a spoon of _____

(A) salt

(B) grapes

7 a tin of _____

(A) cereal

(B) tuna



8 a glass of _____

(A) cheese

(B) lemonade

9 a jar of _____

(A) beef

(B) jam



10 a loaf of _____

(A) bread

(B) pizza


Exercise 14: Choose the best answer.

(Chọn đáp án đúng.)



1 There are many _____ here.

(A) flys

(B) flies

(C) flyes

2 My sister is afraid of _____.

(A) mice

(B) mouses

(C) mouse

3 Do you know where my _____ are?

(A) toyes

(B) toys

(C) toies

4 There were a dozen _____ on the tray.

(A) egges

(B) egg

(C) eggs

5 Does your brother like _____?

(A) monkies

(B) monkeys

(C) monkeyes

6 How many _____ did you take at the party?

(A) photoes

(B) photos

(C) photo

7 Both her _____ are sore.

(A) foots

(B) feet

(C) feets

8 In my team, there are three girls and four _____.

(A) boys

(B) boyes

(C) boies



9 People should plant more _____ to protect the environment.

(A) treeis

(B) trees

(C) tree

10 Are _____ more careful than men?

(A) womans

(B) woman

(C) women

Exercise 15: Underline the mistakes and correct them.

(Gạch chân lỗi sai và sửa lại cho đúng)



1 There are a lot of person in the playground.



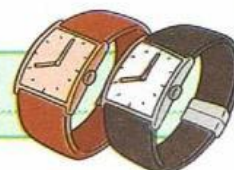
2 Are those womans dancing?



3 Don't let children play with knives!



4 My brother has ten watches.



5 Can you buy me two loaves of breads?

.....



6 My uncle has two childs. They are very obedient.

.....



7 There aren't any apple left.

.....



8 I will go to Ha Noi in two daies.

.....



9 How many tooths does an adult have?

.....



10 The sheeps are eating grass.

.....

